

Bản án số: **11** /2018/KDTM – PT

Ngày: 25-5-2018

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

-----

**\* Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Tiên**

- *Các thẩm phán:* Ông **Nguyễn Văn Tào**

Ông **Phạm Việt Cường**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thành An**, Thư ký  
Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*  
Ông **Đặng Thọ Định**, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 13/2016/TLPT-KDTM ngày 19 tháng 12 năm 2016 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2016/KDTM-ST ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **13H**/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 04 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Ngân hàng X**; Địa chỉ: thành phố Hà Nội.

- Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Đình C** – Phó Giám đốc Ngân hàng X chi nhánh Khánh Hòa; Địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư **Đỗ P**; địa chỉ: Tp. Đà Nẵng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* **Công ty C**; Địa chỉ: xã C, Tp. C, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện theo pháp luật: Ông **Võ Ngọc H** – Tổng giám đốc. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư **Phạm Chính T** – Công ty Luật TNHH L, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: thành phố Hà

Nội. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. **Công ty TNHH Q**; Địa chỉ: tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

3.2. Ông **Võ Quốc T**; Địa chỉ cư trú: Tp. C, tỉnh Khánh Hòa; Địa chỉ liên hệ: tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt và xin vắng mặt.

3.3. Ông **Võ Ngọc H**; Địa chỉ: Tp. C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

3.4. Bà **Lý Diệu H**; Địa chỉ: Tp. C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

3.5. Ông **Võ Quốc N**; Địa chỉ HKTT: Tp. C, tỉnh Khánh Hòa; Địa chỉ hiện nay: 11834 Plumpoint Dr, Houston, Tx 77099, USA. Vắng mặt.

3.6. Ông **Võ Ngọc T**; Địa chỉ: Tp. C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

3.7. Bà **Phan Phạm Thị Lệ H**; Địa chỉ: Tp. C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

Ông N, bà H, ông T, bà H đều ủy quyền cho ông **Võ Ngọc H**, địa chỉ: C, tỉnh Khánh Hòa tham gia tố tụng. Có mặt.

3.8. Bà **Nguyễn Thị Hồng P**; Địa chỉ: Tp. C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng và xin vắng.

3.9. Ông **Võ Đình T**; Địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

3.10. Bà **Võ Thị Bạch H**; Địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

3.11. **Ngân hàng Y**; Địa chỉ: thành phố Hà Nội

- Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Trọng L** - Cán bộ Ngân hàng Y, chi nhánh N; Địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*\* Tại đơn khởi kiện ngày 20/3/2015 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/5/2016 và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn Ngân hàng X – ông Nguyễn Đình Cường trình bày:*

Từ năm 2008 đến năm 2010, Công ty C (tiền thân là Xí nghiệp Tư doanh chế biến thủy sản C - gọi tắt là C Seafood) và Ngân hàng X, Chi nhánh Khánh Hòa (gọi tắt là X Khánh Hòa) đã ký kết 04 hợp đồng tín dụng, cụ thể:

1. Hợp đồng hạn mức số LAV-200601671/HĐTD ngày 04/6/2008 và 20 Phụ lục hợp đồng tín dụng kèm theo, nội dung cụ thể:

- Số tiền cho vay cao nhất: 52.000.000.000 đồng

Trong đó: Hạn mức vay vốn lưu động: 39.000.000.000 đồng

Hạn mức chiết khấu bộ chứng từ: 13.000.000.000 đồng

- Lãi suất cho vay: + Cho vay và chiết khấu bằng VNĐ: 1,45%/tháng

+ Cho vay bằng ngoại tệ: 10%/năm

+ Chiết khấu bằng ngoại tệ USD: Chiết khấu L/C: 9,75% năm  
Chiết khấu bộ nhờ thu: 10% năm

- Phương thức trả lãi tiền vay: Trả lãi tiền vay theo kỳ trả gốc
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay đang áp dụng trên từng giấy nhận nợ
- Thời hạn cho vay, hạn trả nợ, kỳ hạn trả nợ: Theo từng giấy nhận nợ
- Mục đích vay vốn: Vay thu mua nguyên liệu, thanh toán các khoản chi phí phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh mặt hàng nông, thủy sản.

2. Hợp đồng tín dụng số 01.XNCR/2008/HĐTD ngày 15/12/2008 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/01.XNCR/PL ngày 29/8/2012, nội dung cụ thể:

- Số tiền cho vay: 3.000.000.000 đồng
- Lãi suất cho vay: + Từ ngày vay đến ngày 19/3/2009: 15%/năm  
+ Từ 20/3/2009: Áp dụng lãi suất thả nổi
- Phương thức trả lãi tiền vay: Trả lãi tiền vay theo kỳ trả gốc
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay đang áp dụng trên từng giấy nhận nợ
- Thời hạn cho vay: 36 tháng (từ tháng 12/2008 đến tháng 12/2011)
- Hạn trả nợ cuối cùng: Tháng 12/2011
- Kỳ hạn trả nợ: 12 kỳ (3 tháng 1 kỳ)
- Mục đích vay vốn: Cho vay trung hạn bù đắp tài chính.

3. Hợp đồng tín dụng số 4700-LAV-201001162 ngày 20/8/2010 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/01.XNCR/PL ngày 29/8/2012, nội dung cụ thể:

- Số tiền cho vay: 274.170 USD
- Lãi suất cho vay: theo từng giấy nhận nợ
- Phương thức trả lãi tiền vay: Trả lãi tiền vay theo kỳ trả gốc
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn
- Thời hạn cho vay: đến ngày 25/8/2010
- Kỳ hạn trả nợ: theo từng bộ chứng từ chiếu khấu và giấy nhận nợ
- Mục đích vay vốn: Chiết khấu bộ chứng từ hàng xuất và vay vốn lưu động.

4. Hợp đồng tín dụng số QUANGNINH/HĐTD ngày 27/8/2009 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/QUANGNINH/PL ngày 29/8/2012, nội dung cụ thể:

- Số tiền cho vay: 30.740.000.000 đồng
- Lãi suất cho vay: + Từ ngày vay đến ngày 19/9/2009: 10,5%/năm  
+ Từ 20/9/2009: Áp dụng lãi suất thả nổi
- Phương thức trả lãi tiền vay: Trả lãi tiền vay theo kỳ trả gốc
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay đang áp dụng trên từng giấy nhận nợ
- Thời hạn cho vay: 60 tháng (từ tháng 8/2009 đến tháng 8/2014)
- Hạn trả nợ cuối cùng: Tháng 8/2014
- Kỳ hạn trả nợ: 20 kỳ (3 tháng 1 kỳ)
- Mục đích vay vốn: Cho vay trung hạn dự án đầu tư nhà máy chế biến thủy sản tại Quảng Ninh.

Các khoản vay trên được bảo đảm một phần bằng tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp tài sản sau:

**1. Hợp đồng thế chấp số 01/HĐTC/ĐS/CRS ngày 01/6/2006:**

- *Loại tài sản thế chấp:* Máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ, dụng cụ, ô tô...thuộc nhà máy đông lạnh C và cơ sở 60 N của C Seafood theo các Phụ lục số 01B/CRS ngày 01/6/2006 và số 02B/CRS ngày 01/6/2006.

- *Giá trị tài sản thế chấp:* 14.626.982.744 đồng

- *Phạm vi bảo đảm:* Tài sản trên bảo đảm cho các khoản vay trong hạn mức 14.626.982.744 đồng cùng các khoản lãi, phí phát sinh khác được quy định tại các Hợp đồng tín dụng hiện tại còn dư nợ và các hợp đồng tín dụng phát sinh trong tương lai được ký giữa C Seafood với chi nhánh Ngân hàng Y N (gọi tắt là Y N) và X Khánh Hoà.

**2. Hợp đồng thế chấp số 01.XNCR/2008/MMTB ngày 15/12/2008 và Phụ lục Hợp đồng số 01/01.XNCR/PL ngày 29/8/2012:**

- *Loại tài sản thế chấp:* Máy móc thiết bị, phương tiện thuộc quyền sở hữu của C Seafood.

- *Giá trị tài sản thế chấp:* 3.131.220.322 đồng

- *Phạm vi bảo đảm:* 3.131.220.322 đồng.

Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

**3. Hợp đồng thế chấp số 02.XNCR/2008 ngày 15/12/2008 và Phụ lục Hợp đồng số 01/02.XNCR/PL ngày 29/8/2012:**

- *Loại tài sản thế chấp:* Tài sản gắn liền với đất là các công trình xây dựng tại nhà máy C, C của C Seafood.

- *Giá trị tài sản thế chấp:* 1.414.166.078 đồng

- *Phạm vi bảo đảm:* 1.414.166.078 đồng

Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

**3. Hợp đồng thế chấp số 229.07/TC/ĐS ngày 27/9/2007 và Phụ lục Hợp đồng số 01/229.07/PL ngày 29/8/2012:**

- *Loại tài sản thế chấp:* Phương tiện (Xe Toyota 16 chỗ, biển số 79D-3939, số khung L:12P8091398, số máy 2KD9953305, màu xanh nhạt) thuộc quyền sở hữu của C Seafood.

- *Giá trị tài sản thế chấp:* 511.856.000 đồng

- *Phạm vi bảo đảm:* 511.856.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 228.07/HĐTD ngày 27/9/2007 và các hợp đồng tín dụng khác phát sinh trong tương lai được ký kết giữa hai bên.

Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

**4. Hợp đồng thế chấp số 02.HIEP.CTĐ/TC ngày 30/12/2009 và Phụ lục Hợp đồng số 01/02.HIEP.CTĐ/PL ngày 29/8/2012:**

- *Loại tài sản thế chấp:* Tài sản gắn liền với đất tại Lô 2, Bắc Sông Cạn, thôn Hiệp Thanh, C, C thuộc quyền sở hữu của C Seafood.

- *Giá trị tài sản thế chấp*: 9.930.869.389 đồng  
- *Phạm vi bảo đảm*: 9.930.869.389 đồng theo hợp đồng tín dụng số 4700-LAV-200601671 ngày 04/6/2008 và số QUANGNINH/HĐTD ngày 27/8/2009 và các hợp đồng tín dụng khác phát sinh trong tương lai được ký kết giữa hai bên.

Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng trên, C Seafood đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, ngày 20/3/2015, X khởi kiện yêu cầu C Seafood phải thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc, lãi là 65.787.067.565 VNĐ và 1.758.891 USD và các khoản nợ lãi, phí phát sinh theo dư nợ gốc theo các hợp đồng tín dụng kể từ ngày 21/3/2015 cho đến khi C Seafood thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho X. Trường hợp C Seafood không trả được nợ, X đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp tại X và các tài sản thuộc sở hữu cá nhân ông Võ Ngọc H để X thu hồi nợ.

Ngày 23/5/2016, X có đơn khởi kiện bổ sung, đề nghị Tòa xem xét, giải quyết thêm 04 hợp đồng thế chấp, bao gồm:

**01. Hợp đồng thế chấp số 01/HĐTC/HIEP ngày 01/6/2006**

- *Tài sản thế chấp*: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 14/1 đường ¾ phường Cam Linh, thành phố C và Quyền sử dụng đất tại 60 N, phường Cam Lộc, C thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Võ Ngọc H và bà Lý Diệu H.

- *Giá trị tài sản thế chấp*: 6.916.000.000 đồng

- *Phạm vi bảo đảm*: 6.916.000.000 đồng

Tài sản thế chấp chưa được đăng ký giao dịch bảo đảm.

**02. Hợp đồng thế chấp số 01/HĐBL/THACH ngày 01/6/2006**

- *Tài sản thế chấp*: Tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Võ Ngọc T và bà Phan Phạm Thị Lệ H gồm:

+ Nhà và đất tại TP. C, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 320/99 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 11/11/1999.

+ Nhà và đất tại số A1 Chợ Mới Ba Ngòi, C, Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà phố thuộc công trình Chợ Ba Ngòi số 74/CN-CBN, Giấy mua bán nhà ngày 10/10/1997, tờ khai hợp thức hóa đăng ký Quyền sở hữu nhà được UBND thị trấn Ba Ngòi xác nhận ngày 18/8/1995.

+ Đất tại xã C, C theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 274 QSDĐ/X.CHĐ-TXCR do UBND thị xã C cấp ngày 12/3/2001.

+ Đất tại xã C, C theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00449QSDĐ/CHĐ-CR do UBND thị xã C cấp ngày 17/02/1998.

- *Giá trị tài sản thế chấp*: 10.466.000.000 đồng

- *Phạm vi bảo đảm*: 10.466.000.000 đồng

Các tài sản thế chấp chưa được đăng ký giao dịch bảo đảm.

**3. Hợp đồng thế chấp số 01/HĐTC/TRUONG ngày 01/6/2006**

- *Tài sản thế chấp*: Nhà và đất tại quận 3, TP.HCM thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Võ Quốc T và bà Nguyễn Thị Hồng P.

- *Giá trị tài sản thế chấp*: 291.000.000 đồng

- *Phạm vi bảo đảm*: 291.000.000 đồng

Tài sản thế chấp chưa được đăng ký giao dịch bảo đảm.

#### **4. Hợp đồng thế chấp số 01/HĐBL/NAM ngày 01/6/2006**

- *Tài sản thế chấp*: Nhà và đất tại N, Khánh Hòa thuộc quyền sở hữu của ông Võ Quốc N.

- *Giá trị tài sản thế chấp*: 1.000.000.000 đồng

- *Phạm vi bảo đảm*: 1.000.000.000 đồng

Tài sản thế chấp chưa được đăng ký giao dịch bảo đảm.

Tính đến ngày 22/9/2016, C Seafood còn nợ X Khánh Hòa số tiền là: 75.192.369.461 VNĐ và 1.912.390,58 USD (trong đó: nợ gốc: 34.111.576.314 VNĐ và 1.145.148,24 USD; nợ lãi: 41.080.793.147 VNĐ và 767.242,34 USD). Tương đương 117.113.883.293 đồng (tỷ giá quy đổi: 21.921 đồng/USD tại thời điểm ngày 31/8/2016).

Vậy, X khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc C Seafood thực hiện nghĩa vụ trả nợ khoản tiền trên và tiền lãi phát sinh từ ngày 23/9/2016 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ nợ gốc cho X Khánh Hòa. Trường hợp C Seafood không trả được nợ, X đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

*\* Đại diện bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Diệu H, ông Võ Ngọc T, bà Phan Phạm Thị Lệ H, ông Võ Quốc N - ông Võ Ngọc H trình bày:*

Ông Hiệp thừa nhận giữa nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ký các Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và bảo lãnh đúng như lời trình bày của đại diện X Khánh Hòa.

Tuy nhiên, đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, C Seafood có ý kiến như sau:

- *Đối với các khoản nợ*: C Seafood chỉ thừa nhận dư nợ gốc của C Seafood tại X Khánh Hòa tính đến ngày 22/9/2016 là 34.111.576.314 VNĐ và 1.145.148,24 USD quy đổi thành VNĐ là 58.684.168.247 VNĐ ( theo tỷ giá quy đổi: 21.458 đồng/USD chứ không phải tính theo tỷ giá: 21.921 đồng/USD như X yêu cầu). Đối với dự nợ lãi, C Seafood chỉ đồng ý trả nợ lãi trong hạn là 23.779,362.953 đồng, còn phần nợ lãi quá hạn bị đơn không đồng ý trả vì theo biên bản họp ngày 23/3/2012, X Khánh Hòa đã thống nhất không tính lãi quá hạn.

- *Đối với yêu cầu xử lý các tài sản bảo đảm*:

+ Các Hợp đồng thế chấp số 01/HĐTC/HIEP, số 01/HĐBL/THACH, số 01/HĐTC/TRUONG, số 01/HĐBL/NAM cùng ký ngày 01/6/2006 không được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật nên không có hiệu lực

pháp luật, do đó, ông Hiệp không đồng ý xử lý các tài sản này và yêu cầu nguyên đơn phải trả lại các giấy tờ nhà, đất cho các chủ sở hữu.

+ Hợp đồng thế chấp số 02.HIEP.CTĐ/TC ngày 30/12/2009, tiền thân là Hợp đồng thế chấp ba bên số 01/HĐTC/BDS/CRS ngày 01/6/2006 giữa C Seafood, X Khánh Hòa và Y N và đã được xử lý bằng Bản án KDTM sơ thẩm số 13/2009/KDTM-ST ngày 24/9/2009 của TAND tỉnh Khánh Hòa (đã có hiệu lực pháp luật). Do đó, việc C Seafood, X Khánh Hòa ký kết lại hợp đồng thế chấp số 02.HIEP.CTĐ/TC ngày 30/12/2009 là vi phạm pháp luật.

- *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/7/2015, ông Võ Quốc T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty Q trình bày:*

Năm 2009, Xí nghiệp tư doanh chế biến thủy sản C có ký hợp đồng tín dụng QUANGNINH/HĐTD ngày 27/8/2009 và 01 Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/QUANGNINH/PL ngày 29/8/2012 với X Khánh Hòa để vay tiền đầu tư cho chi nhánh tại Móng Cái (nay là Công ty Q).

Ngày 18/5/2015, ba bên gồm Công ty C, Công ty Q và X Khánh Hòa đã lập biên bản thỏa thuận việc Công ty Q sẽ kế thừa quyền và nghĩa vụ đối với hợp đồng tín dụng số QUANGNINH/HĐTD ngày 27/8/2009 nên trách nhiệm trả khoản nợ theo Hợp đồng này thuộc về Công ty Q. Biên bản này Công ty Quảng Ninh sau khi ký đã chuyển lại cho X Khánh Hòa nên không có để cung cấp cho Tòa.

Để đảm bảo cho khoản vay của C Seafood tại X Khánh Hòa, ông và vợ là bà Nguyễn Thị Hồng P đã dùng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình là nhà và đất tại , quận 3, Tp.HCM thế chấp cho X Khánh Hòa theo Hợp đồng thế chấp số 01/HĐTC/TRUONG ngày 01/6/2006. Tuy nhiên, Hợp đồng thế chấp này không được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm nên không phát sinh hiệu lực.

**- Bà Nguyễn Thị Hồng P trình bày:**

Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của X Khánh Hòa vì lý do sau:

+ Đối với dư nợ gốc và lãi: Vào ngày 18/5/2015, Công ty C và X Khánh Hòa đã thống nhất thỏa thuận chuyển khoản nợ của Công ty tại Hợp đồng tín dụng QUANGNINH/HĐTD ngày 27/8/2009 sang cho Q bằng biên bản xác nhận dư nợ đến hết ngày 31/12/2014. Do đó, dư nợ đến hết ngày 20/3/2015 của C Seafood tại X Khánh Hòa cụ thể: nợ gốc: 8.641.719.171 VNĐ và 1.167.146,24 USD, nợ lãi: 5.878.809.892 VNĐ và 591.744,76 USD.

Việc tranh chấp các hợp đồng tín dụng giữa X Khánh Hòa và C Seafood đã được giải quyết bằng Bản án kinh doanh thương mại số 13/2009/KDTM-ST ngày 24/9/2009 của TAND tỉnh Khánh Hòa và Quyết định số 47/2010/QĐ-PT ngày 15/9/2010 của Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng. Hiện tại cơ quan thi hành án đã tiến hành kê biên tài sản của C Seafood để thanh toán cho các khoản nợ cho X Khánh Hòa.

Bà P xin được xét xử vắng mặt.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Đình T trình bày:*

Ông là chủ sở hữu đối với tài sản là nhà, đất tại N, Khánh Hòa. Năm 2005, ông đã bán tài sản trên cho ông Võ Quốc N. Sau đó ông N đã dùng tài sản này để thế chấp tại X Khánh Hòa. Do ông N không trả tiền mua nhà, đất cho ông nên ông đã khởi kiện ông N tại TAND thành phố N để yêu cầu hủy hợp đồng mua bán nhà, đất nêu trên. Bản án sơ thẩm và bản án phúc thẩm, Tòa án đã tuyên hủy hợp đồng mua bán nhà N, Khánh Hòa giữa ông và ông N và hủy Hợp đồng thế chấp tài sản giữa ông N với X Khánh Hòa. Bản án trên có hiệu lực pháp luật, X Khánh Hòa đã trả lại Giấy chứng nhận đối với nhà, đất trên cho ông và ông đã chuyển nhượng nhà, đất này cho bà Võ Thị Bạch H. địa chỉ 20 N, Khánh Hòa. Việc chuyển nhượng nhà, đất giữa ông và bà H đã hoàn tất, do đó, ông không đồng ý với yêu cầu xử lý tài sản này của X. Ông T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

*\* Ông Nguyễn Hoàng M là người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Bạch H trình bày:*

Năm 2011, bà Võ Thị Bạch H đã nhận chuyển nhượng nhà, đất tại N, Khánh Hòa của ông Võ Đình T. Hợp đồng mua bán được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật. Việc chuyển nhượng đã được các bên đã hoàn tất. Hiện nay, bà Hường đã được UBND thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với tài sản trên. Ông M đề nghị Tòa giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*\* Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Y - ông Nguyễn Trọng L đã trình bày:*

Y N và X Khánh Hòa có cùng cấp tín dụng cho C Seafood và nhận đồng thế chấp các tài sản thế chấp với tổng giá trị tài sản là 46 tỷ 035 triệu đồng theo các hợp đồng thế chấp số 01/HĐTC/NAM, số 01/HĐTC/TRUONG, số 01/HĐBL/THACH, số 01/HĐTC/HIEP, số 01/HĐTC/BDS/CRS, số 01/HĐTC/ĐS/CRS đều cùng ngày 01/6/2006. Toàn bộ hồ sơ giấy tờ gốc của các tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp nêu trên đều do X Khánh Hòa cất giữ và bảo quản. Do vậy, việc hoàn trả các giấy tờ gốc của các tài sản nêu trên, đề nghị các bên thế chấp liên hệ với X Khánh Hòa để được giải quyết.

***Với nội dung như trên, tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2016/KDTM-ST ngày 17/10/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:***

Áp dụng Điều 302, 350, 351, 355, 471, 474 Bộ luật Dân sự 2005;

Áp dụng pháp lệnh về lệ phí và án phí của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng X về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn Công ty C.



Buộc Công ty C phải trả cho Ngân hàng X số tiền 75.192.369.461 VNĐ và 1.912.390,58 USD (trong đó: nợ gốc: 34.111.576.314 VNĐ và 1.145.148,24 USD; nợ lãi: 41.080.793.147 VNĐ và 767.242,34 USD). Tương đương 117.113.883.293 đồng (theo tỷ giá quy đổi: 21.921 đồng/USD tại thời điểm ngày 31/8/2016) và các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 23/9/2016 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên.

Trường hợp Công ty C không thanh toán số nợ trên thì Ngân hàng X có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa xử lý tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp, bảo lãnh số 01.XNCR/2008/MMTB ngày 15/12/2008, số 02.XNCR/2008 ngày 15/12/2008, số 229.07/TC/ĐS ngày 27/9/2007, số 02.HIEP/CTĐ/TC ngày 30/12/2009, số 01/HĐTC/HIEP ngày 01/6/2006, số 01/HĐBL/THACH ngày 01/6/2006, số 01/HĐTC/TRUONG ngày 01/6/2006 để thu hồi nợ.

Việc xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 01/HĐTC/ĐS/CRS ngày 01/6/2008 được áp dụng theo Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2009/KDTM-ST ngày 24/9/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa và Quyết định số 47/2010/QĐ-PT ngày 15/9/2010 của Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng.

2. Sau khi Công ty C thanh toán đủ số tiền nêu tại điểm 1 phần Quyết định của Bản án này thì Ngân hàng X phải trả lại các giấy tờ về tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp, bảo lãnh số 01.XNCR/2008/MMTB ngày 15/12/2008, số 02.XNCR/2008 ngày 15/12/2008, số 229.07/TC/ĐS ngày 27/9/2007, số 02.HIEP/CTĐ/TC ngày 30/12/2009, số 01/HĐTC/HIEP ngày 01/6/2006, số 01/HĐBL/THACH ngày 01/6/2006, số 01/HĐTC/TRUONG ngày 01/6/2006 cho các chủ sở hữu.

### **3. Án phí:**

- Hoàn lại cho Ngân hàng X số tiền tạm ứng án phí 106.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số AB/2010/0001809 ngày 14/4/2015 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- Công ty C phải nộp 225.113.883 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Sau khi án xử sơ thẩm: Ngày 19//10/2016, bị đơn (Công ty C) kháng cáo toàn bộ nội dung của Bản án sơ thẩm số 04/2016/KDTM-ST ngày 17/10/2016; ông Võ Quốc T, bà Nguyễn Thị Hồng P, bà Lý Diệu H, ông Võ Ngọc T, bà Phan Phạm Thị Lệ H (những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) kháng cáo cho rằng Bản án sơ thẩm xử lý tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp mà những Ông, Bà nói trên đã ký là không đúng với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2009/KDTM-ST ngày 24/9/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa và

Quyết định số 47/2010/QĐ-PT của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng. Các Ông, Bà nói trên không bảo lãnh cho Công ty C và yêu cầu được trả lại tài sản đã thế chấp; ngày 31/10/2016, Ngân hàng Y (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) kháng cáo yêu cầu xem xét quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng Y đối với việc xử lý tài sản thế chấp tại các Hợp đồng thế chấp, bảo lãnh: Số 01/HĐTC/HIEP ngày 01/6/2006; số 01/HĐBL/THACH và số 01/HĐTC/TRUONG ngày 01/6/2006 của Bản án sơ thẩm số 04/2016/KDTM-ST ngày 17/10/2016 chưa đề cập đến quyền lợi của Ngân hàng Y. Tại phiên tòa: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; bị đơn kháng cáo nêu rõ nội dung kháng cáo như sau:

+ Nợ gốc: 34.111.576.314 đồng và 1.145.148,24USD (theo bảng tính của công ty C);

+ Nợ lãi (tạm tính đến ngày 22/9/2016): 19.821.706.074 đồng và 520.822,30 USD (đề nghị chỉ tính lãi trong hạn theo thỏa thuận tại biên bản ngày 23/3/2012);

+ Tuyên vô hiệu các hợp đồng thế chấp: Số 01.XNCR/2008/MMTB ngày 15/12/2008; số 02.XNCR/2008 ngày 15/12/2008, số 229.07/TC/ĐS ngày 27/9/2007, số 02.HIEP/CTĐ/TC ngày 30/12/2009 kèm theo 4 phụ lục cùng ngày 29/8/2012. Vô hiệu 4 hợp đồng thế chấp (thực tế là 4 hợp đồng bảo lãnh) là các hợp đồng: số 01/HĐTC/HIEP ngày 01/6/2006; số 01/HĐBL/THACH ngày 01/6/2006; số 01/HĐTC/TRUONG ngày 01/6/2006 và số 01/HĐBL/NAM ngày 01/6/2006 do tài sản thế chấp chưa được đăng ký.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các nội dung kháng cáo của bị đơn, hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2016/KDTM-ST ngày 17/10/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các nội dung kháng cáo của Công ty C và kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Võ Quốc T, bà Nguyễn Thị Hồng P, bà Lý Diệu H, ông Võ Ngọc T, bà Phan Phạm Thị Lệ H (những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2016/KDTM-ST ngày 17/10/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung và căn cứ của kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của các luật sư bảo vệ quyền lợi cho các đương sự; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn xét xử phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết phúc thẩm vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng

xét xử nhận định về các nội dung kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như sau:

[1]. Xét nội dung kháng cáo của Công ty C (Bị đơn) đề nghị chỉ tính lãi trong hạn theo thỏa thuận tại biên bản ngày 23/3/2012 thì: Nợ lãi (tạm tính đến ngày 22/9/2016) là: 19.821.706.074 đồng và 520.822,30USD thì thấy:

Công ty C (Bị đơn - C Seafood) thừa nhận còn nợ của Ngân hàng X (Nguyên đơn - X Khánh Hòa) một số tiền (Nợ gốc) là: 34.111.576.314 đồng và 1.145.148,24USD. Nguyên đơn tính các khoản nợ lãi đến ngày 22/9/2016 là: 41.080.793.147 VNĐ và 767.242,34 USD (Tương đương 117.113.883.293 đồng).

Bị đơn cho rằng: Trong quá trình giải quyết các khoản nợ, giữa X Khánh Hòa và C Seafood đã có các thỏa thuận bổ sung tại các biên bản ngày 23/3/2016 và ngày 12/6/2012 thì X Khánh Hòa không được tính lãi quá hạn. Hội đồng xét xử thấy rằng trong các biên bản mà C Seafood đã viện dẫn ở trên thì không có nội dung nào xác định là X Khánh Hòa không tính lãi quá hạn như các hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên. Bản án sơ thẩm buộc C Seafood phải thanh toán các khoản nợ lãi cho X tính đến ngày 22/9/2016 là: 41.080.793.147 VNĐ và 767.242,34 USD (Tương đương 117.113.883.293 đồng) là có căn cứ, đúng với cam kết về thời gian trả nợ mà các bên đã thỏa thuận theo các hợp đồng tín dụng. C Seafood cho rằng: Nợ lãi (tạm tính đến ngày 22/9/2016) là: 19.821.706.074 đồng và 520.822,30 USD theo thỏa thuận tại biên bản ngày 23/3/2012 là không có căn cứ để chấp nhận như đã nhận định ở trên.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn (Công ty C) về việc xử lý các tài sản thế chấp, bảo lãnh để đảm bảo cho các khoản vay của C Seafood tại X Khánh Hòa thì thấy:

[2.1]. Để đảm bảo các khoản vay tín dụng nói trên, C Seafood và các ông, bà: Võ Ngọc H, Lý Diệu H, Võ Ngọc T, Phan Phạm Thị Lệ H, Võ Quốc T, Nguyễn Thị Hồng P, Võ Quốc N đã thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của mình là nhà, đất, nhà máy, phân xưởng, máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ theo các Hợp đồng thế chấp, bảo lãnh sau:

1. Hợp đồng thế chấp số 01/HĐTC/ĐS/CRS ngày 01/6/2006:

- Loại tài sản thế chấp: máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ, dụng cụ, ô tô...thuộc nhà máy đông lạnh C và cơ sở 60 N thuộc quyền sở hữu của C Seafood.

2. Hợp đồng thế chấp số 01.XNCR/2008/MMTB ngày 15/12/2008 và Phụ lục Hợp đồng số 01/01.XNCR/PL ngày 29/8/2012:

- Loại tài sản thế chấp: máy móc thiết bị, phương tiện thuộc C Seafood.

3. Hợp đồng thế chấp số 02.XNCR/2008 ngày 15/12/2008 và Phụ lục Hợp đồng số 01/02.XNCR/PL ngày 29/8/2012:

- Loại tài sản thế chấp: Công trình xây dựng tại nhà máy C, C của C Seafood.

4. Hợp đồng thế chấp số 229.07/TC/ĐS ngày 27/9/2007 và Phụ lục Hợp đồng số 01/229.07/PL ngày 29/8/2012:

- Loại tài sản thế chấp: Phương tiện (Xe Toyota 16 chỗ, biển số 79D-3939, số khung L:12P8091398, số máy 2KD9953305, màu xanh nhạt) thuộc C Seafood.

5. Hợp đồng thế chấp số 02.HIEP.CTĐ/TC ngày 30/12/2009 và Phụ lục Hợp đồng số 01/02.HIEP.CTĐ/PL ngày 29/8/2012:

- Tài sản gắn liền với đất tại Lô 2, C, C thuộc C Seafood.

6. Hợp đồng thế chấp số 01/HĐTC/HIEP ngày 01/6/2006

- Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu của ông Võ Ngọc H và bà Lý Diệu H gồm:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 14/1 đường  $\frac{3}{4}$  phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa;

+ Quyền sử dụng đất tại 60 N, C, Khánh Hòa.

7. Hợp đồng thế chấp số 01/HĐBL/THACH ngày 01/6/2006

- Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu của ông Võ Ngọc T và bà Phan Phạm Thị Lệ H gồm:

+ Nhà và đất tại Quốc lộ 1, phường P, TP.C, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 320/99 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 11/11/1999;

+ Nhà và đất tại số A1 Chợ Mới Ba Ngòi, C, Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà phố thuộc công trình Chợ Ba Ngòi số 74/CN-CBN, Giấy mua bán nhà ngày 10/10/1997, tờ khai hợp thức hóa đăng ký Quyền sở hữu nhà được UBND thị trấn Ba Ngòi xác nhận ngày 18/8/1995;

+ Đất tại xã C, C theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 274 QSDĐ/X.CHĐ-TXCR do UBND thị xã C cấp ngày 12/3/2001;

+ Đất tại xã C, C theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00449QSDĐ/CHĐ-CR do UBND thị xã C cấp ngày 17/02/1998.

8. Hợp đồng thế chấp số 01/HĐTC/TRUONG ngày 01/6/2006

- Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu của ông Võ Quốc T và bà Nguyễn Thị Hồng P là:

+ Nhà và đất tại quận 3, TP. HCM theo Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sở hữu nhà ở số 39778/HĐ-TCN ngày 05/12/2002, Hợp đồng mua bán nhà số 8495/HĐ-MBN ngày 27/11/1998, Tờ khai lệ phí trước bạ ngày 30/11/1998.

9. Hợp đồng thế chấp số 01/HĐBL/NAM ngày 01/6/2006

- Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu của ông Võ Quốc N là nhà và đất tại phường P, N, Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 612/2004 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 04/6/2004 cho ông Võ Đình T, Hợp đồng mua bán toàn bộ nhà ở ngày 26/7/2005 giữa ông Võ Đình T và ông Võ Quốc N.

[2.2]. Trong 9 hợp đồng thế chấp (hoặc bảo lãnh nói trên) thì Hợp đồng thế chấp số 01/HĐTC/ĐS/CRS ngày 01/6/2006, loại tài sản thế chấp: máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ, dụng cụ, ô tô...thuộc nhà máy đông lạnh C và cơ sở 60 N thuộc quyền sở hữu của C Seafood và Hợp đồng thế chấp số 01/HĐBL/NAM ngày 01/6/2006, tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu của ông Võ Quốc N là nhà và đất tại phường P, N, Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 612/2004 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 04/6/2004 cho ông Võ Đình T, Hợp đồng mua bán toàn bộ nhà ở ngày 26/7/2005 giữa ông Võ Đình T và ông Võ Quốc N. Các tài sản thế chấp này đã được xử lý theo các Bản án đã có hiệu lực pháp luật nên không xem xét trong vụ án này.

[2.3]. Xét kháng cáo của bị đơn yêu cầu vô hiệu các hợp đồng thế chấp sau:

1. Hợp đồng thế chấp số 01.XNCR/2008/MMTB ngày 15/12/2008 và Phụ lục Hợp đồng số 01/01.XNCR/PL ngày 29/8/2012, tài sản thế chấp: máy móc thiết bị, phương tiện thuộc C Seafood;

2. Hợp đồng thế chấp số 02.XNCR/2008 ngày 15/12/2008 và Phụ lục Hợp đồng số 01/02.XNCR/PL ngày 29/8/2012, tài sản thế chấp: Công trình xây dựng tại nhà máy C, C của C Seafood;

3. Hợp đồng thế chấp số 229.07/TC/ĐS ngày 27/9/2007 và Phụ lục Hợp đồng số 01/229.07/PL ngày 29/8/2012, tài sản thế chấp: Phương tiện (Xe Toyota 16 chỗ, biển số 79D-3939, số khung L:12P8091398, số máy 2KD9953305, màu xanh nhạt) thuộc C Seafood;

4. Hợp đồng thế chấp số 02.HIEP.CTĐ/TC ngày 30/12/2009 và Phụ lục Hợp đồng số 01/02.HIEP.CTĐ/PL ngày 29/8/2012: Tài sản gắn liền với đất tại Lô 2, Bắc Sông Cạn, thôn Hiệp Thanh, C, C thuộc C Seafood thì thấy:

- Đối với Hợp đồng thế chấp: Số 01.XNCR/2008 và số 02.XNCR/2008 ngày 15/12/2008; số 229.07/TC/ĐS ngày 27/9/2007 và các Phụ lục Hợp đồng: số 01/01.XNCR/PL ngày 29/8/2012; số 01/02.XNCR/PL ngày 29/8/2012 và số 01/229.07/PL ngày 29/8/2012. Các Hợp đồng này được các bên thỏa thuận và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm, khi ký kết các phụ lục hợp đồng các bên hoàn toàn tự nguyện do đó có hiệu lực áp dụng đối với các bên.

- Đối với Hợp đồng thế chấp số 02.HIEP.CTĐ/TC ngày 30/12/2009 và phụ lục hợp đồng kèm theo số 01/02.HIEP.CTĐ/PL ngày 29/8/2012, tài sản thế chấp là tài sản gắn liền trên đất tại Lô 2, Bắc Sông Cạn, thôn Hiệp Thanh, C, C, Khánh Hòa thuộc quyền sở hữu của C Seafood. Tài sản này trước đây đồng thế chấp cho X Khánh Hòa và Y N theo Hợp đồng thế chấp số 01/HĐTC/BĐS/CRS ngày 01/6/2006 và Phụ lục Hợp đồng số 01A/CRS ngày 01/6/2006. Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2009/KDTM-ST ngày 24/9/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã nhận định Hợp đồng thế chấp này chưa có hiệu lực nên không thể xử lý. Sau khi có Bản án thì C Seafood và X Khánh Hòa đã ký lại Hợp đồng thế chấp số 02.HIEP.CTĐ/TC ngày 30/12/2009 để dùng tài sản này bảo đảm cho riêng khoản vay của C Seafood tại X Khánh Hòa. Hợp đồng thế chấp

được công chứng, chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm và Sau khi có Bản án sơ thẩm số 04/2016/KDTM-ST ngày 17/10/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử lý tài sản thế chấp này thì Ngân hàng Y là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án cũng không có ý kiến gì về việc xử lý tài sản thế chấp này như Quyết định của bản án sơ thẩm số 04/2016/KDTM-ST nói trên.

Bản án sơ thẩm số 04/2016/KDTM-ST ngày 17/10/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã xử lý các hợp đồng thế chấp nói trên để đảm bảo việc thu hồi nợ cho X là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật về xử lý tài sản thế chấp. Kháng cáo của bị đơn yêu cầu vô hiệu các hợp đồng thế chấp nói trên là không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Xét kháng cáo của: Ông Võ Quốc T, bà Nguyễn Thị Hồng P; bà Lý Diệu H, ông Võ Ngọc T, bà Phan Phạm Thị Lệ H yêu cầu vô hiệu các hợp đồng thế chấp sau:

+ Hợp đồng thế chấp số 01/HĐTC/TRUONG ngày 01/6/2006: Tài sản thế chấp là Nhà và đất tại , quận 3, Tp. HCM theo thuộc quyền sở hữu của ông Võ Quốc T và bà Nguyễn Thị Hồng P.

+ Hợp đồng thế chấp số 01/HĐTC/HIEP ngày 01/6/2006 là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 14/1 đường  $\frac{3}{4}$  phường Cam Linh, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa; Quyền sử dụng đất tại 60 N, phường Cam Lộc, C, Khánh Hòa thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Võ Ngọc H và bà Lý Diệu H;

+ Hợp đồng thế chấp số 01/HĐBL/THACH ngày 01/6/2006 Nhà và đất tại Quốc lộ 1, phường P, Tp. C, tỉnh Khánh Hòa và Nhà và đất tại số A1 Chợ Mới Ba Ngòi, C, Khánh Hòa và 2 thửa đất tại xã C, C thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Võ Ngọc T và bà Phan Phạm Thị Lệ H.

Với cùng một lý do là: Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2009/KDTM-ST ngày 24/9/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã nhận định Hợp đồng thế chấp này chưa có hiệu lực nên không thể xử lý thì thấy:

Quá trình ký các Hợp đồng thế chấp này của bên thế chấp bảo lãnh là hoàn toàn tự nguyện và các bên cũng đã cam kết tại Điều 10 (10.2): “*Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau: - Bên thế chấp đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ quy định tại Điều 1 hợp đồng này...*”. Như đã nhận định ở trên thì Công ty C là bên thế chấp vẫn chưa trả nợ do đó trong trường hợp bị đơn không trả nợ thì X có quyền yêu cầu phát mãi các tài sản thế chấp (bảo lãnh) này để thu hồi nợ.

[4]. Xét kháng cáo của Ngân hàng Y đối với việc xử lý tài sản thế chấp tại các Hợp đồng thế chấp, bảo lãnh: số 01/HĐTC/HIEP ngày 01/6/2006; số 01/HĐBL/THACH và số 01/HĐTC/TRUONG ngày 01/6/2006 của Bản án sơ thẩm số 04/2016/KDTM-ST ngày 17/10/2016 chưa đề cập đến quyền lợi của Ngân hàng Y thì thấy: Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2009/KDTM-ST ngày 24/9/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã nhận định: “*Các hợp đồng thế chấp còn lại chưa có hiệu lực nên không thể xử lý*” trong đó có 3 hợp

đồng thế chấp nói trên. Trong vụ án này, Ngân hàng Y với tư cách là nguyên đơn, sau khi Bản án sơ thẩm nhận định như trên, Ngân hàng Y cũng không có hành vi cụ thể nào để yêu cầu xử lý các Hợp đồng thế chấp này. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện X nhất trí thỏa thuận với Ngân hàng Y các tài sản thế chấp (bào lãnh) sau:

+ Hợp đồng thế chấp số 01/HĐTC/TRUONG ngày 01/6/2006: Tài sản thế chấp là Nhà và đất tại , quận 3, Tp. HCM theo thuộc quyền sở hữu của ông Võ Quốc T và bà Nguyễn Thị Hồng P.

+ Hợp đồng thế chấp số 01/HĐTC/HIEP ngày 01/6/2006 là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 14/1 đường  $\frac{3}{4}$  thành phố C, tỉnh Khánh Hòa; Quyền sử dụng đất tại 60 N, C, Khánh Hòa thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Võ Ngọc H và bà Lý Diệu H;

+ Hợp đồng thế chấp số 01/HĐBL/THACH ngày 01/6/2006 Nhà và đất tại Quốc lộ 1, phường P, Tp. C, tỉnh Khánh Hòa và Nhà và đất tại số A1 Chợ Mới Ba Ngòi, C, Khánh Hòa và Đất tại xã C, C thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Võ Ngọc T và bà Phan Phạm Thị Lệ H.

Các tài sản thế chấp (bào lãnh) nói trên sẽ được tính theo tỷ lệ quy định tại Bản án sơ thẩm số 13/2009/KDTM-ST ngày 24/9/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa (theo tỷ lệ: Ngân hàng Y 37%; X 63%). Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận phân chia theo tỷ lệ này của các bên đương sự.

[5]. Như vậy có căn cứ để khẳng định Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2016/KDTM-ST ngày 17/10/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng X về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn Công ty C. Buộc Công ty C phải trả cho Ngân hàng X số tiền 75.192.369.461 VNĐ và 1.912.390,58 USD (trong đó: nợ gốc: 34.111.576.314 VNĐ và 1.145.148,24 USD; nợ lãi: 41.080.793.147 VNĐ và 767.242,34 USD). Tương đương 117.113.883.293 đồng (theo tỷ giá quy đổi: 21.921 đồng/USD tại thời điểm ngày 31/8/2016) và các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 23/9/2016 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên. Và xử lý các tài sản thế chấp (hoặc bảo lãnh) để thu hồi nợ là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo nhưng không có tình tiết nào mới làm thay đổi nội dung vụ án nên kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có căn cứ để chấp nhận.

[6]. Do kháng cáo không được chấp nhận và các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nên theo quy định tại: khoản 1, khoản 5 Điều 30 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án thì Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Từ những nhận định trên.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty C; không chấp nhận kháng cáo của: Ông Võ Quốc T, bà Nguyễn Thị Hồng P; bà Lý Diệu H, ông Võ Ngọc T, bà Phan Phạm Thị Lệ H; Chấp nhận thỏa thuận giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng X về xử lý các tài sản thế chấp. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2016/KDTM-ST ngày 17/10/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa

- Áp dụng Điều 302, 350, 351, 355, 471, 474 Bộ luật Dân sự 2005,

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng X về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn Công ty C.

Buộc Công ty C phải trả cho Ngân hàng X số tiền 75.192.369.461 VNĐ và 1.912.390,58 USD (trong đó: nợ gốc: 34.111.576.314 VNĐ và 1.145.148,24 USD; nợ lãi: 41.080.793.147 VNĐ và 767.242,34 USD). Tương đương 117.113.883.293 đồng (theo tỷ giá quy đổi: 21.921 đồng/USD tại thời điểm ngày 31/8/2016) và các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 23/9/2016 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên.

3. Trường hợp Công ty C không thanh toán số nợ trên thì Ngân hàng X có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa xử lý tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp, bảo lãnh số 01.XNCR/2008/MMTB ngày 15/12/2008, số 02.XNCR/2008 ngày 15/12/2008, số 229.07/TC/ĐS ngày 27/9/2007, số 02.HIEP/CTĐ/TC ngày 30/12/2009, số 01/HĐTC/HIEP ngày 01/6/2006, số 01/HĐBL/THACH ngày 01/6/2006, số 01/HĐTC/TRUONG ngày 01/6/2006 để thu hồi nợ.

3.1. Việc xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 01/HĐTC/ĐS/CRS ngày 01/6/2008 được áp dụng theo Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2009/KDTM-ST ngày 24/9/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa và Quyết định số 47/2010/QĐ-PT ngày 15/9/2010 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

3.2. Việc xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp: Số 01/HĐTC/HIEP ngày 01/6/2006; số 01/HĐBL/THACH ngày 01/6/2006 và số 01/HĐTC/TRUONG ngày 01/6/2006 để thu hồi nợ theo tỷ lệ thỏa thuận: Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam 37%; Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Việt Nam 63%.

4. Sau khi Công ty C thanh toán đủ số tiền nêu tại mục 2 Quyết định của Bản án này thì Ngân hàng X phải trả lại các giấy tờ về tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp, bảo lãnh số 01.XNCR/2008/MMTB ngày 15/12/2008, số 02.XNCR/2008 ngày 15/12/2008, số 229.07/TC/ĐS ngày 27/9/2007, số 02.HIEP/CTĐ/TC ngày 30/12/2009, số 01/HĐTC/HIEP ngày 01/6/2006, số 01/HĐBL/THACH ngày 01/6/2006, số 01/HĐTC/TRUONG ngày 01/6/2006 cho các chủ sở hữu.

5. Án phí phúc thẩm.



Buộc: Công ty C; Ông Võ Quốc T, bà Nguyễn Thị Hồng P; bà Lý Diệu H, ông Võ Ngọc T, bà Phan Phạm Thị Lệ H và Ngân hàng Y mỗi người phải nộp 200.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại các biên lai: số 000095, số 000097, số 000096, số 000098, số 0000100, số 000099 cùng ngày 27/10/2016 (người nộp tiền tại các biên lai này là ông Nguyễn Quang V) và biên lai số 0000109 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

6. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm và các Quyết định về: Án phí và chi phí tố tụng, quy định về thi hành án, chậm thi hành án được thực hiện theo quyết định tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2016/KDTM-ST ngày 17/10/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Tiến**